

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẦU TƯ GÓP VỐN ĐỐI VỚI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

Phan Quỳnh Trang^{1*}, Lưu Quỳnh Hương¹

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Email: trang.pq@ou.edu.vn

Ngày nhận: 15/06/2024

Ngày chấp nhận: 14/05/2025

Ngày đăng: 25/06/2025

DOI: 10.52932/jfmr.v17i1.554

Phụ lục 1. Mô tả các biến nghiên cứu

Ký hiệu biến	Tên biến	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Tham chiếu từ các nghiên cứu trước
Biến phụ thuộc				
PER	Hiệu quả tài chính			
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản		Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021)
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Vốn chủ sở hữu		Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021)
Biến độc lập				
SUD	Đầu tư góp vốn			
SUD1	Năm giữa cổ phần tại công ty khác tỷ lệ từ 65% trở lên	nhận giá trị 1 cho doanh nghiệp có năm giữ cổ phần tại công ty con với tỷ lệ từ 65% trở lên, nhận giá trị 0 cho các trường hợp còn lại.	-	Tác giả đề xuất
SUD2	Năm giữa cổ phần tại công ty khác tỷ lệ từ 50% trở lên	nhận giá trị 1 cho doanh nghiệp có năm giữ cổ phần tại công ty con với tỷ lệ từ 50% trở lên, nhận giá trị 0 cho các trường hợp còn lại.	-	Tác giả đề xuất
SUD3	Năm giữa cổ phần tại công ty khác tỷ lệ từ 35% trở lên	nhận giá trị 1 cho doanh nghiệp có năm giữ cổ phần tại công ty với tỷ lệ từ 35% trở lên, nhận giá trị 0 cho các trường hợp còn lại.	-	Tác giả đề xuất
SUD4	Năm giữa cổ phần tại công ty khác	nhận giá trị 1 cho doanh nghiệp có năm giữ cổ phần tại công ty khác, nhận giá trị 0 cho các trường hợp còn lại.	-	Tác giả đề xuất
LEV	Tỷ lệ nợ	Nợ phải trả/Tổng tài sản	+/-	Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021); Phan Quỳnh Trang và cộng sự (2024)
LIQ	Khả năng thanh khoản	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	+/-	Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021); Phan Quỳnh Trang và cộng sự (2024)
GROW	Cơ hội tăng trưởng	Tăng trưởng của doanh thu thuần	+	Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021); Phan Quỳnh Trang và cộng sự (2024)

Ký hiệu biến	Tên biến	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Tham chiếu từ các nghiên cứu trước
SIZE	Quy mô doanh nghiệp	Logarith tự nhiên của tổng tài sản	+	Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021); Phan Quỳnh Trang và cộng sự (2024)
TANG	Tài sản hữu hình	Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình/Tổng tài sản	+/-	Nguyễn Thị Thu Thủy & Nguyễn Văn Thuận (2021); Phan Quỳnh Trang và cộng sự (2024)

Phụ lục 2. Mô tả các biến

Biến nghiên cứu	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
ROA	7.405	0,0777	0,0745	0,0007	0,3861
ROE	7.405	0,1523	0,1220	0,0016	0,5951
SUD1	7.405	0,4602	0,4984	0	1
SUD2	7.405	0,5215	0,4996	0	1
SUD3	7.405	0,5918	0,4915	0	1
SUD4	7.405	0,6997	0,4584	0	1
LEV	7.405	0,4835	0,2216	0,0390	0,9033
LIQ	7.405	2,3900	2,7081	0,4025	18.283,7000
GROW	7.405	0,2333	0,8169	-0,7346	5,913,2000
SIZE	7.405	13,5304	1,5675	9,9785	17.847,7000
TTS	7.405	3.600,6600	16.613,9300	10,2600	577.407,3000
TANG	7.405	0,1926	0,1985	0	0,8535

Ghi chú: Tham khảo Bảng 1 về thông tin các biến. TTS là tổng tài sản được đo lường theo đơn vị tỷ đồng.

Phụ lục 3. Ma trận tương quan

	ROA	ROE	SUD1	SUD2	SUD3	SUD4	LEV	LIQ	GROW	SIZE	TANG
ROA	1										
ROE	0,8272	1									
SUD1	-0,0680	-0,0085	1								
SUD2	-0,0622	-0,0059	0,8844	1							
SUD3	-0,0883	-0,0506	0,7669	0,8672	1						
SUD4	-0,0500	-0,0336	0,6050	0,6840	0,7888	1					
LEV	-0,4326	-0,0026	0,0880	0,0850	0,0522	0,0141	1				
LIQ	0,2110	-0,0160	-0,0649	-0,0588	-0,0262	-0,0131	-0,5836	1			
GROW	0,0249	0,0567	0,0542	0,0449	0,0476	0,0381	0,0065	0,0299	1		
SIZE	-0,0854	0,0621	0,4670	0,4644	0,4258	0,3861	0,3283	-0,2078	0,0150	1	
TANG	0,0898	0,0524	-0,0640	-0,0804	-0,1062	-0,1250	-0,0478	-0,1527	-0,0597	0,0349	1

Ghi chú: Tham khảo Bảng 1 về thông tin các biến.